

KẾ TOÁN TÁI CẤU TRÚC CƠ CẤU VỐN TRONG CÁC DOANH NGHIỆP

PHẠM THỊ THU THỦY

Hoạt động tái cấu trúc tài chính đã xuất hiện ở VN từ năm 1992 do chính sách cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước (DNNN), ban đầu chính sách cổ phần hóa là quá trình tái cấu trúc chuyển đổi sở hữu từ sở hữu nhà nước thành sở hữu tư nhân, nhưng sau 13 năm thực hiện, công cuộc cổ phần hóa vẫn rất trì trệ vì nhiều DNNN không thể cổ phần được do tồn đọng về tài chính không được xử lý. Đến năm 2003, để hỗ trợ cho tiến trình cổ phần hóa, Chính phủ đã thành lập công ty mua bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp (DATC) - một định chế tài chính trung gian với chức năng chính là mua các khoản nợ và tài sản tồn đọng của các doanh nghiệp bằng các hình thức thỏa thuận trực tiếp, đấu giá, hoặc theo chỉ định của các cấp có thẩm quyền. Đồng thời, năm 2004, Quốc hội đã ban hành Luật phá sản và trong Chương 6 của bộ luật này có quy định trong trường hợp doanh nghiệp (DN) không có khả năng trả nợ và bị phá sản thì cho phép DN được tái cấu trúc cơ cấu vốn và hoạt động sau khi đã thỏa thuận với chủ nợ trong thời hạn tối đa là 3 năm. Mặc dù hoạt động này đã phát sinh trong thời gian tương đối dài, song việc ghi nhận và trình bày thông tin tài chính về các giao dịch này chưa được đề cập đến một cách kịp thời và đầy đủ trong hệ thống kế toán VN, điều đó đã làm cho các doanh nghiệp rất khó khăn khi phản ánh các giao dịch này vào hệ thống kế toán. Từ sự phân tích bản chất tài chính của các hoạt động tái cấu trúc cơ cấu vốn, bài báo đã đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện phương pháp ghi nhận và trình bày thông tin tái cấu trúc cơ cấu vốn ở DN nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý.

1. Tái cấu trúc cơ cấu vốn - một giải pháp tài chính của DN trong thời kỳ suy thoái

Trong quá trình hoạt động, khi DN tăng trưởng đến một mức tới hạn thì DN đó bắt đầu để chuyển sang giai đoạn mới là thời kỳ suy thoái. Tại đáy của thời kỳ suy thoái - nơi bắt đầu của thời kỳ phát triển - diễn ra sự cải tổ lớn, nếu sự cải tổ tạo ra được những bước đột phá về quy mô với những thay đổi lớn về chiến lược, tài chính, con người thì được gọi là tái cấu trúc. Quá trình tái cấu trúc diễn ra ở tất cả các khâu, các bộ phận, các hoạt động từ hệ thống quản trị, hệ thống tài chính, hệ thống phân phối, hệ thống nhân sự cho tới việc chia tách, sáp nhập, chuyển đổi sở hữu DN... Hoạt động tái cấu trúc của DN theo hai lĩnh vực là tái cấu trúc tài chính và tái cấu trúc hoạt động. Tái cấu trúc hoạt động là những cuộc cách mạng về chiến lược, thị trường, sản phẩm làm thay đổi cơ bản về tổ chức các hoạt động, cách thức điều hành quản lý con người trong DN. Tái cấu trúc tài chính là những thay đổi cơ bản về vốn và chủ sở hữu diễn ra trong quá trình cơ cấu vốn - nợ, mua bán, sáp nhập, chia tách hoặc chuyển sở hữu DN thành công ty đại chúng hoặc thành công ty tư nhân... Do tính chất phức tạp của vấn đề nghiên cứu nên trong phạm vi bài viết này chúng tôi sẽ đi sâu phân tích quá trình tái cấu trúc tài chính trên khía cạnh tái cấu trúc cơ cấu vốn và việc ghi nhận, trình bày thông tin của quá trình tái cấu trúc cơ cấu vốn lên báo cáo tài chính một cách minh bạch và hợp thức.

Cơ cấu vốn là mối quan hệ tỷ lệ giữa vốn và nợ trong một DN. Việc sử dụng vốn chủ và nợ như thế nào sẽ tác động đến rủi ro và lợi nhuận mà DN nhận được trong tương lai, khi DN tài trợ vốn từ nợ sẽ có được hai lợi thế đó là chi phí lãi vay

hay khoản được khấu trừ thuế và thu nhập của nợ là cố định nên các cổ đông sẽ không phải chia sẻ lợi nhuận khi DN làm ăn phát đạt. Song khi DN sử dụng nợ sẽ gia tăng rủi ro và sẽ bất lợi khi DN gặp khó khăn vì thu nhập nhận được không đủ trả lãi vay, các cổ đông sẽ phải bù đắp sự thiếu hụt này nếu không thì DN sẽ phá sản.

Theo yêu cầu này, tái cấu trúc cơ cấu vốn xảy ra khi DN có những hành động làm thay đổi mối quan hệ tỷ lệ giữa vốn và nợ hiện tại nhằm hướng tới cơ cấu vốn tối ưu hoặc duy trì khả năng tồn tại của DN. Ở đây, cơ cấu vốn tối ưu là một cơ cấu vốn làm tối đa hóa giá trị cổ phiếu của công ty, việc xác định một cơ cấu vốn tối ưu trong thực tế là rất khó cho một DN nên các DN thường thiết lập cơ cấu vốn mục tiêu bằng một con số cố định và khi cơ cấu vốn thực tế của DN trượt khỏi tỷ lệ này ở một mức độ đủ lớn sẽ ảnh hưởng tới giá cổ phiếu hoặc lợi nhuận của DN. Sự suy thoái của DN được biểu hiện bằng việc giảm giá cổ phiếu trên thị trường hoặc sự giảm sút của lợi nhuận, cả hai vấn đề này đều bị tác động một phần bởi cơ cấu vốn. Điều đó thúc đẩy ban lãnh đạo DN có xu hướng cấu trúc lại cơ cấu vốn để đưa cơ cấu vốn trở về cơ cấu vốn mục tiêu, nhằm đưa cổ phiếu về đúng giá trị nội tại của nó bằng cách phát hành thêm cổ phiếu để thanh toán bớt khoản nợ vay hoặc trả dần các khoản vay và chuyển sang sử dụng vốn chủ sở hữu.

Một DN sử dụng cơ cấu vốn thiên nhiều về nợ thì khi gặp rủi ro kinh doanh sẽ phải đương đầu với rất nhiều khó khăn và DN sẽ suy thoái nhanh chóng nếu dòng tiền mặt trong DN bị suy giảm tới mức không còn để thanh toán các khoản nợ đến hạn, DN sẽ đứng trên bờ vực phá sản. Quyết định cho DN được tái cấu trúc hoặc phải tuyên bố

phá sản phụ thuộc vào việc giá trị của DN sau khi tái cấu trúc có lớn hơn giá trị thanh lý DN hay không. Nếu sự suy thoái của DN là độc lập, khi DN được tái cấu trúc thì các chủ nợ sẽ thương lượng với ban lãnh đạo DN về chương trình và các điều khoản tái cấu trúc bao gồm sự thay đổi các thỏa thuận về nợ như kéo dài thời gian trả nợ, giảm lãi suất, kéo dài thời gian trả nợ kèm theo giảm nợ gốc, chuyển nợ vay thành vốn hoặc thỏa thuận thanh toán nợ bằng tài sản thấp hơn số nợ.

Trong trường hợp sự suy thoái của DN nằm trong sự suy thoái chung của nền kinh tế từng khu vực hoặc toàn cầu thì buộc phải có sự can thiệp và trợ giúp của chính phủ. Chính phủ sẽ quyết định thành lập tổ chức tái cấu trúc nằm trong hệ thống ngân hàng hoặc độc lập đứng ra mua nợ xấu của hệ thống ngân hàng thương mại, chuyển nợ thành vốn chủ sau đó tham gia vào hoạt động tái cấu trúc của DN (con nợ), khi DN tái cấu trúc thành công sẽ bán phần vốn sở hữu để thu hồi.

2. Thực trạng hoạt động tái cấu trúc cơ cấu vốn và các quy định pháp lý ở VN

Do chưa có số liệu thống kê chính xác về thiệt hại của cuộc khủng hoảng năm 2008 nên trong bài viết này, chúng tôi sẽ phân tích thực trạng tái cấu trúc cơ cấu vốn ở cuộc khủng hoảng tài chính châu Á năm 1997-1998. Cuộc khủng hoảng đã gây nhiều tổn thất cho các nền kinh tế ở châu Á, cơn bão tài chính đã làm các nền kinh tế lớn ở châu Á chao đảo, các ngân hàng với những khoản nợ xấu khổng lồ từ các DN có nguy cơ phá sản hàng loạt nếu không được trợ giúp từ chính phủ, số liệu về nợ đọng của các nền kinh tế lớn ở châu Á theo thống kê của Enest & Young như sau:

Với số liệu không đầy đủ tổng nợ xấu của các

Bảng 1: Số liệu về nợ đọng của các nền kinh tế lớn ở châu Á

Nước	Nợ đọng bán được từ sau cuộc khủng hoảng tài chính châu Á*	Nợ đọng chưa giải quyết được trong các công ty quản lý tài sản của chính phủ	Nợ đọng trong các tổ chức tài chính
Nhật	600	112	330
Trung Quốc	200	107	307,0*
Đài Loan	50	Không có số liệu	19,1
Thái Lan	95	5	18,8
Indonesia	37	5	16,9
Hàn Quốc	125	45	15

* Tái cơ cấu, phân loại lại, hoàn trả lại, chuyển nhượng hoặc xóa nợ

Nguồn: Ernst & Young

nền kinh tế lớn là khoảng 2.000 tỷ USD, số nợ khổng lồ này nếu không được giải quyết thì việc thoát ra khỏi khủng hoảng sẽ rất khó khăn. Nhận thức được điều đó, giải pháp được các chính phủ châu Á ưa chuộng trong năm 1997-1998 là thành lập các cơ quan chính thức thống nhất quản lý. Nhiều chính phủ đã thành lập các công ty tái cơ cấu nhằm trợ giúp cho ngân hàng như cơ quan tái cơ cấu ngân hàng Indonesia (IBRA), tập đoàn tái cơ cấu nợ ngân hàng Thái Lan, công ty quản lý tài sản quốc gia Malaysia (AMC), công ty quản lý tài sản Hàn Quốc (Kamco)... Các cơ quan tái cơ cấu mua lại nợ xấu của DN từ hệ thống ngân hàng để vực dậy hoạt động của hệ thống ngân hàng thương mại, khi các ngân hàng thoát khỏi nợ đọng, có vốn sẽ tiếp tục quay lại cấp tín dụng cho các DN tái cấu trúc lại vốn và hoạt động để các DN phục hồi thoát ra khỏi suy thoái. Cùng với các chính sách trợ giúp khác của chính phủ, các DN dần thoát ra khỏi khủng hoảng. Các cơ quan tái cấu trúc thực hiện cơ cấu lại vốn của DN, chuyển các khoản nợ sang vốn chủ sở hữu và bán đi khi DN vượt qua khỏi suy thoái. Sau một thời gian hoạt động đến năm 2005 phần lớn các cơ quan tái cơ cấu đã dần chấm dứt hoạt động với 1.000 tỷ USD nợ xấu đã được bán, như Ibra đã đóng cửa năm 2004 với 95% nợ xấu được giải quyết thành công.

VN ít chịu ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng châu Á nhưng nền kinh tế bị ảnh hưởng rất lớn bởi chính sách cổ phần hóa DNNN, đây là chính sách tái cấu trúc sâu rộng phần lớn các DNNN để tạo đà tăng trưởng và phát triển cho DN đồng thời cung cấp hàng hóa cho thị trường chứng khoán. Từ năm 1990, khi bước sang nền kinh tế thị trường các DN VN phần lớn thuộc sở hữu nhà nước, hoạt động trì trệ và kém hiệu quả. Để nền kinh tế đi theo đúng quy luật kinh tế thị trường và nhận được các nguồn vốn tài trợ của các tổ chức tài chính như IMF, quỹ tiền tệ quốc tế, ngân hàng

phát triển châu Á thì phải thực hiện một số cải cách theo đề nghị của các nhà tài trợ trong đó có tư nhân hóa các DNNN. Đến năm 2008 đã thực hiện cổ phần hóa được trên khoảng 3.000 DNNN vừa và nhỏ, còn khoảng 2.000 DNNN vừa và lớn sẽ tiếp tục lộ trình cổ phần hóa đến năm 2010. Quá trình cổ phần hóa DNNN chậm và gặp nhiều khó khăn là do tình trạng thua lỗ, nợ đọng và hoạt động không hiệu quả và tồn tại nhiều vướng mắc tài chính không xử lý được. Để hỗ trợ tiến trình cổ phần hóa, năm 2003 Chính phủ thành lập Công ty mua bán nợ và tài sản tồn đọng của DN (DATC), tính đến hết năm 2009, số nợ và tài sản tồn đọng loại trừ mà Công ty đã tiếp nhận là 2.944,2 tỷ đồng ở 2.284 DN trong đó nợ là 1.293,5 tỷ đồng và tài sản là 1.650,7 tỷ đồng. Đến nay, Công ty đã cơ bản hoàn thành việc tiếp nhận nợ và tài sản loại trừ khỏi giá trị DN khi cổ phần hóa DNNN. Trong năm 2009, DATC đã ký được 56 hợp đồng mua nợ với tổng giá trị các khoản nợ là 694,380 tỷ đồng, doanh thu từ xử lý thu hồi nợ và tài sản tồn đọng năm 2009 là 370,2 tỷ đồng, tăng gấp 2 lần so với năm 2008. Như vậy, nếu tính lũy kế thì kết thúc năm 2009, Công ty đã thực hiện mua nợ và tài sản tồn đọng của các ngân hàng thương mại và các chủ nợ khác có tổng giá trị lên đến 6.577,38 tỷ đồng. Hầu hết các hợp đồng mua nợ đều gắn với phương án xử lý nợ thông qua tái cơ cấu lại, chuyển đổi sở hữu DN. Các giải pháp chính mà DATC đã thực hiện là cơ cấu lại thời hạn trả nợ, xóa một phần nợ để DN có đủ điều kiện cổ phần hóa, tái cơ cấu vốn, tìm kiếm nhà đầu tư chiến lược để tham gia góp vốn và hỗ trợ DN sau chuyển đổi, phối hợp với chủ sở hữu chuyển đổi DN thành công ty cổ phần với tư cách là cổ đông chi phối. Sau khi tái cấu trúc cơ cấu vốn, chuyển đổi DN thành công ty cổ phần, DATC với vai trò vừa là chủ nợ vừa là chủ sở hữu chính thực hiện các hoạt động tái cấu trúc, các DN được tái cấu trúc thành công đến nay đều hoạt

động kinh doanh có lãi, trả hết nợ kể cả nợ của DATC như công ty cổ phần SADICO Cần Thơ, công ty cổ phần chế biến thủy sản xuất khẩu Procimex VN, Công ty cổ phần mía đường Sơn La, Công ty cổ phần mía đường KonTum...

Như vậy, hoạt động tái cấu trúc tài chính đã được thực hiện phổ biến ở VN từ những năm 1992 do chính sách cổ phần hóa các DNN. Hoạt động tái cấu trúc ban đầu là tái cấu trúc chuyển đổi sở hữu, sau đó do tính chất tài chính phức tạp của các DN cổ phần hóa để chuyển đổi được sở hữu cần phải cơ cấu lại vốn vì hiện tại nhiều DN đang gánh những khoản nợ quá hạn khổng lồ, thua lỗ không có khả năng trả nợ, nếu để tình trạng tài chính như hiện tại thì không thể cổ phần hóa được. Do đó cần phải tái cấu trúc lại cơ cấu vốn trước khi tái cấu trúc chuyển đổi sở hữu. Nhận thức được điều đó, sau 13 năm kể từ khi ban hành quy định đầu tiên về chính sách cổ phần hóa, ngày 5/6/2003 Thủ tướng chính phủ ban hành Quyết định số 109/2003/QĐ-TTg thành lập Công ty mua bán nợ và tài sản tồn đọng của DN - một định chế tài chính trung gian được Chính phủ chủ trương thành lập để giúp các DN tháo gỡ khó khăn về tài chính. Hoạt động xử lý tài chính của công ty đối với các DN cổ phần hóa được thực hiện theo TT39/2004/TT-BTC ngày 11/5/2004 của Bộ Tài chính, sau 6 năm hoạt động kết quả của hoạt động đầu tư mua nợ gắn với tái cơ cấu lại DN được DATC chủ trương thực hiện đã chứng tỏ hoạt động tái cơ cấu DN đã và đang phát huy hiệu quả. Nhiều DN khách nợ được DATC tái cơ cấu đã có những chuyển biến tích cực, hoạt động có hiệu quả và đã tích lũy được nguồn tài chính để trả nợ cũng như đã trả hết nợ gốc trước hạn nhiều năm cho DATC.

Đối với việc tái cấu trúc cơ cấu vốn do DN làm ăn thua lỗ phải phá sản theo quyết định của tòa án, được thực hiện trên cơ sở nghị quyết của chủ nợ theo mục 1, Chương 6 Luật phá sản số 21QH/2004 ngày 15/6/2004 cho phép DN được tái cấu trúc lại cơ cấu vốn và hoạt động sau khi đã thỏa thuận với chủ nợ trong thời hạn tối đa là 3 năm. Đây là cơ sở pháp lý cơ bản cho hoạt động tái cấu trúc cơ cấu vốn được thực hiện dưới sự giám sát của tòa án.

Ngoài ra, trong quá trình hoạt động, khi DN nhận thấy cơ cấu vốn hiện tại trượt qua khỏi cơ cấu vốn mục tiêu quá nhiều có thể làm giảm sút lợi nhuận hoặc làm giảm giá cổ phiếu thì DN lại

tái cấu trúc cơ cấu vốn để duy trì một tình trạng tài chính thích hợp làm tối đa hóa giá trị cổ phiếu của DN.

Xét về hành lang pháp lý của các hoạt động tái cấu trúc cơ cấu vốn thì chúng ta đã có những văn bản pháp lý phù hợp để đưa hoạt động thực hiện vào khuôn khổ. Tuy nhiên hệ thống văn bản chưa đầy đủ và thiếu đồng bộ, các văn bản mới chỉ dừng lại ở các quy định quản lý và tổ chức thực hiện hoạt động còn một vấn đề quan trọng là việc ghi nhận, trình bày và công bố thông tin về quá trình tái cấu trúc cơ cấu vốn lại chưa được đề cập đến trong các văn bản của hệ thống kế toán. Do không có những quy định mang tính chuẩn mực nên các DN khi có các giao dịch loại này thường tự đưa ra nguyên tắc ghi chép và trình bày thông tin lên báo cáo tài chính, điều đó đã làm ảnh hưởng đến tính trung thực và hợp lý của thông tin trên báo cáo tài chính của DN sau khi đã tái cấu trúc hoàn thành, việc công bố thông tin của quá trình tái cấu trúc cũng không được đề cập đến nên đã ảnh hưởng tới tính minh bạch của các tổ chức được tái cấu trúc. Đây cũng là một trong những nguyên nhân làm chậm tiến trình cổ phần hóa do hành lang pháp lý không đủ để thực hiện nên các DN thường bị vướng mắc khi xử lý các vấn đề tài chính liên quan đến cổ phần hóa và thường phải chờ đợi các cơ quan chức năng của Nhà nước rất lâu mới có thể xử lý được. Do đó việc hoàn thiện cơ chế cũng như hành lang pháp lý một cách đầy đủ và đồng bộ là việc làm hết sức cần thiết.

3. Kế toán tái cấu trúc cơ cấu vốn

Trong khi chưa có các văn bản ban hành bổ sung về kế toán tái cấu trúc cơ cấu vốn, trên cơ sở quy định quản lý tài chính hiện hành và thực trạng hoạt động tái cấu trúc cơ cấu vốn, trong phạm vi bài viết này chúng tôi đưa ra nguyên tắc ghi nhận và trình bày thông tin về quá trình tái cấu trúc cơ cấu vốn nhằm định hướng cho các DN trong quá trình ghi chép trình bày và báo cáo hoạt động tái cấu trúc cơ cấu vốn của các DN trên báo cáo tài chính.

3.1 Phương pháp tái cấu trúc cơ cấu vốn

Trường hợp tái cấu trúc cơ cấu vốn do cơ cấu vốn không hợp lý: DN phát hành cổ phiếu để thanh toán trái phiếu, trả nợ vay hoặc phát hành trái phiếu để mua lại cổ phiếu.

Trường hợp tái cấu trúc cơ cấu vốn do các xử lý tài chính đặc biệt để duy trì hoạt động của DN

cần phải đánh giá giá trị của khoản nợ, cân đối khả năng trả nợ từ nguồn lực, thỏa thuận với chủ nợ về phương pháp tái cơ cấu theo các phương pháp sau:

- Thanh toán nợ bằng tiền hoặc tài sản thấp hơn số nợ.
- Chuyển nợ phải trả thành vốn chủ sở hữu.
- Thay đổi các thỏa thuận về nợ như kéo dài thời gian trả nợ, kéo dài thời gian trả nợ kèm theo việc giảm nợ gốc hoặc giảm lãi suất của khoản nợ.
- Kết hợp nhiều phương pháp trên.

3.2 Nguyên tắc kế toán

Kế toán tái cấu trúc cơ cấu vốn ghi nhận theo giá trị hợp lý của khoản vốn và nợ chuyển đổi hoặc theo giá trị thỏa thuận giữa bên nợ và bên cho vay hoặc với các tổ chức tái cấu trúc (người mua nợ), chênh lệch giữa số vốn và nợ tái cấu trúc có thể ghi nhận vào mục vốn chủ trên bảng cân đối kế toán hoặc ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trên báo cáo kết quả kinh doanh. Tuy nhiên do quá trình tái cấu trúc cơ cấu vốn không phải là hoạt động kinh doanh mà là quá trình thay đổi quyền và nghĩa vụ của DN trước các chủ sở hữu và chủ nợ nên các khoản lợi ích nhận được xử lý vào vốn chủ (phần chênh lệch tăng ghi nhận vào vốn thặng dư, phần chênh lệch giảm là rủi ro thiệt hại do quá trình tái cấu trúc không tích lũy vào vốn chủ mà ghi nhận ngay trong kỳ (ghi nhận là chi phí trong kỳ) như sau:

- Tái cấu trúc lại cơ cấu vốn theo chiến lược phát triển của DN trong tương lai bằng cách phát hành trái phiếu, vay nợ để mua lại cổ phiếu hoặc phát hành cổ phiếu để thanh toán trái phiếu thì ghi nhận theo giá trị hợp lý của các công cụ nợ hoặc công cụ vốn phát hành.

- Tái cấu trúc cơ cấu vốn bằng cách chuyển một khoản nợ thành vốn chủ ghi nhận mục vốn chủ tăng lên và mục nợ phải trả giảm xuống tương ứng với số nợ được thỏa thuận tái cấu trúc, phần chênh lệch giữa số dư nợ được tái cấu trúc với số dư nợ vay trên sổ kế toán là vốn thặng dư.

- Tái cấu trúc bằng cách cơ cấu lại các điều khoản liên quan tới khoản nợ nếu số dư nợ được tái cấu trúc lớn hơn số phải trả trong tương lai thì có thể ghi giảm số nợ thành số phải trả, phần chênh lệch ghi nhận là vốn thặng dư, nếu số dư nợ được tái cấu trúc bằng hoặc nhỏ hơn số phải trả trong tương lai thì không có sự điều chỉnh chênh lệch. Chi phí phát sinh trong quá trình tái

cấu trúc có thể phản ánh vào các khoản phải trả tương lai, khi các khoản chi phát sinh ghi giảm số nợ đã tái cấu trúc.

3.3 Ghi nhận kế toán tái cấu trúc cơ cấu vốn

Trường hợp 1: DN tái cấu trúc lại vốn theo chiến lược phát triển của DN.

- DN phát hành cổ phiếu, huy động vốn góp để thanh toán trái phiếu, nợ vay ghi nhận tăng vốn chủ sở hữu huy động theo giá trị hợp lý (giá phát hành cổ phiếu hoặc giá trị vốn góp được chấp nhận) đồng thời ghi nhận số tiền thu được từ huy động vốn:

Nợ TK 111 - Tiền mặt

Nợ TK 112 - Tiền gửi ngân hàng (TGNH)

Có TK 411(4111) - Nguồn vốn kinh doanh (Vốn đầu tư của chủ sở hữu)

Có/Nợ TK 411(4112) - Nguồn vốn kinh doanh (Thặng dư vốn cổ phần)

- Khi DN thanh toán nợ vay hoặc thanh toán trái phiếu đến hạn, ghi nhận nợ vay giảm đồng thời ghi nhận số tiền dùng để thanh toán nợ vay phát sinh:

Nợ TK 341, 342, 343...

Có TK 111 - Tiền mặt

Có TK 112 - TGNH

- DN phát hành trái phiếu, vay nợ để mua cổ phiếu quỹ ghi nhận trái phiếu phát hành và nợ vay theo giá trị hợp lý (giá phát hành hoặc giá trị khoản vay được chấp nhận) đồng thời ghi nhận số tiền thu được từ huy động vốn vay:

Nợ TK 111 - Tiền mặt

Nợ TK 112 - TGNH

Nợ TK 343 (3432) - Trái phiếu phát hành (Chiết khấu trái phiếu)

Có TK 343 (3431) - Trái phiếu phát hành (Mệnh giá trái phiếu)

Có TK 343 (3433) - Trái phiếu phát hành (Phụ trội trái phiếu)

- Khi DN dùng tiền huy động trái phiếu để mua cổ phiếu quỹ ghi nhận cổ phiếu quỹ tăng theo giá trị hợp lý (giá mua và các chi phí mua) đồng thời ghi nhận số tiền giảm dùng mua cổ phiếu quỹ :

Nợ TK 419 - Cổ phiếu quỹ

Có TK 112 - TGNH

Có TK 111 - Tiền mặt

Trường hợp 2: DN tái cấu trúc cơ cấu vốn theo

thỏa thuận với chủ nợ dưới sự giám sát của tòa án.

- Theo thỏa thuận với chủ nợ tái cấu trúc khoản nợ thành vốn chủ sở hữu, ghi tăng vốn kinh doanh phần nợ được thỏa thuận chuyển thành vốn, chênh lệch giữa số dư nợ được tái cấu trúc và số vốn chủ được ghi nhận là thặng dư vốn:

Nợ TK 331, 311, 341, 342, 343...

Có TK 411(4111) - Nguồn vốn kinh doanh (Vốn đầu tư của chủ sở hữu)

Có TK 411(4112) - Nguồn vốn kinh doanh (Thặng dư vốn cổ phần)

- Theo thỏa thuận thanh toán nợ bằng tiền thấp hơn số dư gốc ghi nhận khoản nợ đã được thanh toán, chênh lệch giữa số dư nợ gốc và số nợ tái cấu trúc đã thanh toán ghi nhận là thặng dư vốn:

Nợ TK 331, 311, 341, 342, 343...

Có TK 111,112

Có TK 411(4112) - Nguồn vốn kinh doanh (Thặng dư vốn cổ phần)

- Theo thỏa thuận thanh toán nợ bằng tài sản thấp hơn số dư gốc ghi nhận khoản nợ đã được thanh toán, chênh lệch giữa số dư nợ gốc và số nợ tái cấu trúc đã thanh toán ghi nhận là thặng dư vốn, chênh lệch giữa giá trị ghi sổ tài sản và giá trị thanh toán nợ ghi nhận là chi phí hoặc thu nhập trong kỳ (phần giá trị tài sản được đánh giá thanh toán nợ thấp hơn hoặc cao hơn giá trị khoản nợ tái cấu trúc được thanh toán):

Nợ TK 331, 311, 341, 342, 343...

Nợ TK 214 - Hao mòn tài sản cố định (TSCĐ)

Có TK 152, 153, 211, 217, 221,...

Có TK 411 (4112) - Nguồn vốn kinh doanh (Thặng dư vốn cổ phần)

Có TK 711 (Nợ 811) - Thu nhập khác (Chi phí khác)

- Thỏa thuận các điều kiện tái cấu trúc bằng việc cơ cấu lại các điều khoản liên quan đến khoản nợ, số dư nợ được tái cấu trúc lớn hơn số phải trả trong tương lai, ghi giảm số dư nợ thành số phải trả trong tương lai, chênh lệch ghi nhận là thặng dư vốn. Quá trình tái cấu trúc phát sinh các khoản chi phí phải trả trong tương lai thì ghi nhận chi phí phát sinh đồng thời ghi tăng nợ phải trả, khi thanh toán các khoản chi phí này ghi giảm số dư nợ đã được tái cấu trúc, nếu số chi phí không phải trả ghi tăng vốn thặng dư. Ghi giảm số nợ tái cấu

trúc bằng số phải trả trong tương lai:

Nợ TK 331, 311, 341, 342, 343...

Có TK 411 (4112) - Nguồn vốn kinh doanh (Thặng dư vốn cổ phần)

- Phát sinh chi phí tái cấu trúc vốn, phải trả trong tương lai:

Nợ TK 242 - Chi phí trả trước

Nợ TK 811 - Chi phí khác

Có TK 341, 342...

- Khi thanh toán các chi phí tái cấu trúc:

Nợ TK 331, 311, 341, 342, 343...

Có TK 112 - TGNH

- Trường hợp chi phí không phải thanh toán chuyển vào thặng dư vốn:

Nợ TK 341, 343...

Có TK 411 (4112) - Nguồn vốn kinh doanh (Thặng dư vốn cổ phần)

Trường hợp 3: Tái cấu trúc cơ cấu vốn thông qua định chế tài chính trung gian.

Các chủ nợ bán nợ động cho công ty mua bán nợ và tài sản tồn đọng DN, khoản nợ sẽ được chuyển sang chủ nợ mới là DATC, DATC sẽ đứng ra thực hiện cam kết với các chủ nợ của DN. Thỏa thuận với DN về các điều khoản tái cấu trúc, xử lý các tồn đọng về tài chính để giúp cho DN hoạt động trở lại, chuyển một phần nợ thành vốn chủ. Sau khi tái cấu trúc thành công, bán phần vốn sở hữu trong công ty đã cơ cấu để thu hồi vốn đã bỏ ra trong quá trình tái cấu trúc.

- Chuyển khoản nợ từ các chủ nợ về một chủ là công ty mua nợ, ghi nhận số dư nợ chi tiết chuyển chủ nợ trên sổ kế toán.

- Các khoản nợ phải thu không thu hồi được, thỏa thuận bán nợ ghi nhận số dư nợ chi tiết chuyển khách nợ trên sổ kế toán, khi thu hồi được tiền do người mua nợ thanh toán ghi giảm nợ phải thu và ghi nhận tiền mặt tăng do nợ đã thu hồi.

- Thỏa thuận tái cấu trúc cho phép xóa một phần nợ, ghi nhận khoản nợ được xóa và ghi tăng thu nhập do xử lý tài chính theo thỏa thuận:

Nợ TK 311, 341, 342, 343...

Có TK 711 - Thu nhập khác

- Theo thỏa thuận với chủ nợ tái cấu trúc khoản nợ thành vốn chủ sở hữu, ghi tăng vốn kinh doanh phần nợ được thỏa thuận chuyển thành vốn, chênh lệch giữa số dư nợ được tái cấu trúc và số vốn chủ được ghi nhận là thặng dư vốn:

Nợ TK 331, 311, 341, 342, 343...

Có TK 411 (4111) - Nguồn vốn kinh doanh
(Vốn đầu tư của chủ sở hữu)

Có TK 411 (4112) - Nguồn vốn kinh doanh
(Thặng dư vốn cổ phần)

- Thỏa thuận các điều kiện tái cấu trúc bằng việc cơ cấu lại các điều khoản liên quan đến khoản nợ, số dư nợ được tái cấu trúc lớn hơn số phải trả trong tương lai, ghi giảm số dư nợ thành số phải trả trong tương lai, chênh lệch ghi nhận là thặng dư vốn. Ghi giảm số nợ tái cấu trúc bằng số phải trả trong tương lai:

Nợ TK 331, 311, 341, 342, 343...

Có TK 411 (4112) - Nguồn vốn kinh doanh
(Thặng dư vốn cổ phần)

- Quá trình tái cấu trúc phát sinh các khoản chi phí phải trả trong tương lai thì ghi nhận chi phí phát sinh đồng thời ghi tăng nợ phải trả, khi thanh toán các khoản chi phí này ghi giảm số dư nợ đã được tái cấu trúc, nếu số chi phí không phải trả ghi tăng vốn thặng dư.

Nợ TK 242 - Chi phí trả trước

Nợ TK 811 - Chi phí khác

Có TK 341, 342...

- Khi thanh toán các chi phí tái cấu trúc:

Nợ TK 331, 311, 341, 342, 343...

Có TK 112 - TGNH

- Trường hợp chi phí không phải thanh toán chuyển vào thặng dư vốn:

Nợ TK 341, 343...

Có TK 411(4112) - Nguồn vốn kinh doanh
(Thặng dư vốn cổ phần)

- Sau khi tái cấu trúc lại cơ cấu vốn và xử lý tài chính DN đủ điều kiện để cổ phần hóa, quá trình cổ phần và các xử lý tài sản tồn đọng trước khi cổ phần hóa được thực hiện theo ND 187/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 và Thông tư số 106/2008/TT-BTC ngày 18/11/2008 về việc hướng dẫn kế toán khi chuyển DNNN thành công ty cổ phần.

3.4 Trình bày báo cáo tài chính

Thông tin về vốn đã tái cấu trúc được trình bày trên báo cáo tài chính theo các mục nợ phải trả và vốn chủ sở hữu căn cứ vào số ghi nhận ban đầu trong các văn bản thỏa thuận của quá trình tái cấu trúc, phần vốn thặng dư do phát sinh trong quá trình tái cấu trúc được thuyết minh riêng biệt khỏi khoản mục vốn kinh doanh đã tái cấu trúc.

3.5 Công bố thông tin

DN cần phải công bố toàn bộ thông tin về số vốn đã tái cấu trúc theo các nội dung sau:

- Phương pháp tái cấu trúc.

- Tổng số vốn thặng dư được ghi nhận trong tái cấu trúc.

- Số tăng vốn kinh doanh phát sinh từ việc chuyển đổi nợ thành vốn.

- Các khoản chi phát sinh trong quá trình tái cấu trúc cơ cấu vốn.

Trên đây là các giải pháp hoàn thiện kế toán tái cấu trúc cơ cấu vốn với mục đích đưa ra một ý kiến đóng góp nhằm hoàn thiện hơn nữa hệ thống kế toán trong tiến trình tái cấu trúc các DN để phát triển ở VN hiện nay■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1.E. F. Brigham and J. F. Houston, *Quản trị tài chính (sách dịch)*: Chương 14, Đại học Quốc gia TP.HCM.
2. “Công ty Mua bán nợ và tài sản tồn đọng của DN (DATC): Thêm một năm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ”. *Thời báo tài chính*: số 9, ngày 20/1/2009.
3. Phạm Mạnh Thường (11/2009) – DATC, “Tái cơ cấu thông qua hoạt động mua bán nợ: một phương thức thúc đẩy cổ phần hóa và phát triển DN nhà nước”, tạp chí *Tài chính*.
4. Phòng quản lý đầu tư DATC (2009), *Tình hình hoạt động các DN tái cơ cấu năm 2009*, www.datc.com.vn,
5. *Tái cơ cấu nợ châu Á* (2005), www.nciec.gov.vn.